

Số: 502/QĐ-HĐTS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về điểm chuẩn xét tuyển vào các ngành đào tạo đại học hệ chính quy theo
Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (Nhóm 2 và Nhóm 3);
Phương thức 2 - Xét tuyển theo điểm đánh giá năng lực năm 2021 tại Đại học Quốc
gia Thành phố Hồ Chí Minh và Phương thức 3 - Xét tuyển dựa vào điểm trung bình
học bạ Trung học phổ thông - Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021

*Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại
học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao
đẳng ngành Giáo dục mầm non;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại
học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số
09/2020/TT-BGDĐT ngày 7/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-ĐHKT ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh
đại học hệ chính quy năm 2021;*

*Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ
Chí Minh;*

*Theo Biên bản số 70/BB-HĐTS ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng tuyển sinh
Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh về việc họp xét điểm chuẩn theo
Phương thức 1 – Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (Nhóm 2 và Nhóm 3); Phương thức
2 - Xét tuyển theo điểm đánh giá năng lực năm 2021 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ
Chí Minh và Phương thức 3 - Xét tuyển dựa vào điểm trung bình học bạ trung học phổ
thông – Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021;*

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Những quy định chung để xác định điểm chuẩn.

Thực hiện theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ
cao đẳng ngành Giáo dục mầm non; theo Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01
tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; theo Đề án tuyển sinh 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh;

Điều 2. Điểm chuẩn đối với HSPT – KV3 và số thí sinh đạt điểm xét tuyển của các ngành theo các nhóm như sau:

❖ Điểm chuẩn theo Phương thức 1 – Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (Nhóm 2 và Nhóm 3)

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Chuẩn xét tuyển Nhóm 2	Điểm chuẩn Nhóm 3
I. Tại Thành phố Hồ Chí Minh			202		
1	Kiến trúc	7580101	32	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 6,0	-
2	Kiến trúc (Chất lượng cao)	7580101CLC	6	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 6,5	-
3	Thiết kế nội thất	7580108	11	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 6,0	-
4	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	11	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 6,0	21.34
5	Kiến trúc cảnh quan	7580102	11	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 5,5	22.66
6	Mỹ thuật đô thị	7210110	8	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 5,5	20.75
7	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580199	4	-	22.58
8	Thiết kế đồ họa	7210403	15	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Nhì - Điểm môn năng khiếu: 7,0	-
9	Thiết kế công nghiệp	7210402	8	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 5,5	-
10	Thiết kế thời trang	7210404	6	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Nhì - Điểm môn năng khiếu: 6,0	-

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Chuẩn xét tuyển Nhóm 2	Điểm chuẩn Nhóm 3
11	Kỹ thuật xây dựng	7580201	54	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba	24.92
12	Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao)	7580201CLC	5	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Nhì	26.31
13	Quản lý xây dựng	7580302	11	-	25.42
14	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	15	-	25.58
II. Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ			22		
1	Kiến trúc	7580101CT	8	-	22.18
2	Thiết kế nội thất	7580108CT	6	Giải Tỉnh / Thành phố trực thuộc trung ương - Giải Ba - Điểm môn năng khiếu: 7,0	21.36

❖ Điểm chuẩn theo Phương thức 2 - Xét tuyển theo điểm đánh giá năng lực năm 2021 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn
I. Tại Thành phố Hồ Chí Minh			267	
1	Kiến trúc	7580101	42	20.50
2	Kiến trúc (Chất lượng cao)	7580101CLC	8	21.47
3	Thiết kế nội thất	7580108	15	21.58
4	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	14	18.11
5	Quy hoạch vùng và đô thị (Chất lượng cao)	7580105CLC	6	17.70
6	Kiến trúc cảnh quan	7580102	15	19.19
7	Mỹ thuật đô thị	7210110	10	18.83
8	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580199	5	17.88
9	Thiết kế đồ họa	7210403	20	21.24
10	Thiết kế công nghiệp	7210402	10	20.77
11	Thiết kế thời trang	7210404	8	19.69
12	Kỹ thuật xây dựng	7580201	72	17.53
13	Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao)	7580201CLC	7	19.03
14	Quản lý xây dựng	7580302	15	17.70
15	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	20	17.53
II. Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ			28	
1	Kiến trúc	7580101CT	10	17.18
2	Thiết kế nội thất	7580108CT	8	17.65

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn
3	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	10	-
III. Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt			16	
1	Kiến trúc	7580101DL	10	19.59
2	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	6	

❖ Điểm chuẩn theo Phương thức 3 - Xét tuyển điểm trung bình học bạ trung học phổ thông

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn
I. Tại Thành phố Hồ Chí Minh			202	
1	Kiến trúc	7580101	32	24.88
2	Kiến trúc (Chất lượng cao)	7580101CLC	6	24.22
3	Thiết kế nội thất	7580108	11	24.72
4	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	11	22.80
5	Quy hoạch vùng và đô thị (Chất lượng cao)	7580105CLC	5	19.59
6	Kiến trúc cảnh quan	7580102	11	23.71
7	Mỹ thuật đô thị	7210110	8	24.14
8	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580199	4	21.11
9	Thiết kế đồ họa	7210403	15	24.87
10	Thiết kế công nghiệp	7210402	8	24.42
11	Thiết kế thời trang	7210404	6	24.38
12	Kỹ thuật xây dựng	7580201	54	24.72
13	Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao)	7580201CLC	5	25.32
14	Quản lý xây dựng	7580302	11	24.51
15	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	15	21.55
II. Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ			22	
1	Kiến trúc	7580101CT	8	22.64
2	Thiết kế nội thất	7580108CT	6	21.48
3	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	8	21.83
III. Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt			13	
1	Kiến trúc	7580101DL	8	19.25
2	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	5	23.23

(Danh sách thí sinh đạt điểm chuẩn theo phụ lục đính kèm)

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo Quốc tế, Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên, Trưởng phòng

Thanh tra giáo dục, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh và các thí sinh có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Xây dựng;
- CT Hội đồng Trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.NTQN.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS.KTS. Lê Văn Thương**